

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						356 509	152 999	203 510			
I		CẢNG CHÍNH						95 934	27 367	68 567			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						58 450	27 367	31 083			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	29/6	432/6		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000	19 575	3 425	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	08/7	1744/7	18/7	VIỆT THUẬN 10-02	CÁM 5A.1	4 950	3 728	1 222	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	
3		NHÔM ĐẮK NÔNG	08/7	1745/7	18/7	VIỆT THUẬN 10-02	CÁM 5A.1	4 800	4 064	736	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/7	456/7		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 700		25 700		HỘ LỚN	TTCO:25.700
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						37 484		37 484			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	449-B/7		VIỆ THUẬN 30-05	CÁM 6A.1	29 400		29 400		HỘ LỚN	TTHG:25.000 - KVCP:4.400
2		THAN MIỀN TRUNG	09/7	1656/6	16/7	Ả ĐÔNG 36 (BN 1789)	CỤC XỎ 1C	1 500		1 500		TD	GIA HẠN L2
3		SXTM THAN UÔNG BÍ	09/7	1664/6	16/7	BN 1468	CÁM 4B.1	1 140		1 140		TD	GIA HẠN L2
4		ĐTTM&DV	09/7	1671/6	16/7	BN 2308	CÁM 4B.1	1 684		1 684		TD	GIA HẠN L2
5		VTRACO	08/7	1743/7	15/7	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 160		1 160		TD	
6		DVVT QUẢNG NINH	11/7	1538/6	18/7	BN 2556	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	GIA HẠN L3
7		SXTM THAN UÔNG BÍ	13/7	1777/7	20/7	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
		Tàu chuyển tải						164 600	87 882	76 718			
		Tàu đã làm hàng						66 400	66 072	328			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/7	448/7		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 150	25 079	71	13/7	HỘ LỚN	TTHG:20.147,69 - KVCP:4.931,63
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/6	415-B/6		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.1	41 250	40 993	257	13/7	HỘ LỚN	KVCP: 10.781,04 - TTHG: 30.211,79
		Tàu dự kiến rút trong ngày						72 600	21 810	50 790			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	09/7	442-B/6		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	26 300	8 500	17 800	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 26.300
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/7	454/7		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	7 910	15 090	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG:18.000 - KVCP:5.000
3		ĐIỆN VŨN ÁNG	09/7	453/7		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	5 400	17 900	RÓT ĐỎ	HỘ LỚN	CLM:19.000 - KVDB:4.300
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						25 600		25 600			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455-B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTCO:25.600
II		KHO G9-HÓA CHẤT						20 395	5 536	14 859			
		Tàu đã làm hàng						5 000	4 949	51			
1		TẬP ĐOÀN THÁI SƠN	11/7	1765/7	18/7	BN 0679	CỤC 1B	1 200	1 189	11	13/7	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		THAN MIỀN NAM	11/7	1690/7	18/7	TÂN HẢI 68	CÁM 8A	1 700	1 685	15	13/7	TD	NGUỒN ĐN-CS
3		ALEXANDRIS	10/7	3 562		CỬA ÔNG 10	TNK - NAM PHI	2 100	2 075	25	13/7		
		Tàu dự kiến rút trong ngày						2 520	587	1 933			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		XNK ANH KHOA	09/7	1752/7	16/7	QN 8531	CẨM 8A	1 470	587	883	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		THAN SÔNG HỒNG	11/7	1658/6	18/7	BN 2228	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	NGUỒN CS
		Tàu đã làm lệnh						12 875		12 875			
1		ĐT TM & DV	11/7	1659/6	18/7	BN 2646	CỤC 1C	1 175		1 175		TD	NGUỒN MD
2		ĐT TM & DV	11/7	1662/6	18/7	BN 1309	CỤC 1B	1 128		1 128		TD	NGUỒN CS
3		THAN MIỀN TRUNG	10/7	1677/7	17/7	TÚ LINH 89	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		ĐT TM & DV	10/7	1756/7	17/7	BN 2579	CỤC 1A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-CS
5		XDCN MỎ	10/7	1757/7	17/7	NB 8530	CỤC 1A	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-CS
6		ĐT TM & DV	13/7	1778/7	20/7	BN 2005	CỤC 1B	1 542		1 542		TD	NGUỒN TN
7		THAN MIỀN TRUNG	10/7	1760/7	17/7	DỪNG CHIẾN 89	CẨM 8A	2 330		2 330		TD	NGUỒN ĐN-CS
8		VT THỦY	12/7	1766/7	19/7	QUANG HƯNG 568	CẨM 8A	3 050		3 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
III		KHO BẢO NGUYỄN						-	-	-			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						26 580	11 632	14 948			
		Tàu đã làm hàng						11 694	11 632	62			
1		KDT MIỀN BẮC	10/7	1758	20/7	NB 8767	Cẩm 5a.1	3 100	3 074	26	13/7	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	10/7	1759	20/7	HOÀNG ANH 568	Cẩm 5a.1	3 350	3 340	10	13/7	PTCB	
3		CROMIT THANH HÓA	12/7	1768	22/7	PHƯƠNG BÁCH 36	Cẩm 5a.1	4 300	4 291	9	13/7	PTCB	
4		CP VTT -VINACOMIN	12/7	1 767	19/7	QN 8748	Don 8a	944	928	16	13/7	TD	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						7 536		7 536			
1		KDT MIỀN BẮC	13/7	1770	23/7	BN 1988	Cẩm 6b.1	1 400		1 400		PTCB	
2		DVVT QUẢNG NINH	11/7	1 764	18/7	BN 2196	Cục 1b	1 200		1 200		TD	
3		XNK THAN VINACOMIN	13/7	1769	20/7	AN THÀNH 18	Bùn 3c	2 200		2 200		TD	
4		KHO VẬN ĐÁ BẠC	13/7	1 771	23/7	VIỆT NHẬT 19	Cẩm 6a.1	2 736		2 736		CHUYỂN VÙNG	
		Tàu đã làm lệnh						7 350		7 350			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	08/7	1741	18/7	TẤN PHÚC 01	Cẩm 5a.1	3 300		3 300		PTCB	
2		CROMIT THANH HÓA	06/7	1720	16/7	MINH HẰNG 36	Cẩm 5a.1	4 050		4 050		PTCB	
V		TÀU XUẤT KHẨU						8 000	5 000	3 000			
		Tàu đã làm hàng						5 000	5 000				
1		THÁI LAN	09/7			SUNESHINE 01	CỤC 4B.3	5 000	5 000		14/7		

PHÒNG DKSX

NGÀY 13 THÁNG 7 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						3 000		3 000			
1		CAMPUCHIA	10/7			NAM SON 16	CUC 4A.2	3 000		3 000			
		Tàu đã làm lệnh											
<u>VI</u>		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		<u>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</u>				<u>41 000</u>	<u>15 582</u>	<u>25 418</u>			
		Tàu đã làm hàng						5 000	5 082	- 82			
1		LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 26-01		5 000	5 082	- 82	14/7		KVCP: 5.000
		Tàu dự kiến rút trong ngày						18 000	10 500	7 500			
1		ÚC		CLM		MV GLORY ALBATROSS		18 000	10 500	7 500	BỐC ĐỔ		TTCO: 18.000
		Tàu đã làm lệnh						18 000		18 000			
1		MOZAMBIQUE		CLM		MV GRAND T		18 000		18 000			TTCO:18.000

